TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS - PT
Ngày 10/11/2017
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Ông Lê Đình Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ Lý số 56/2017/TLPT-DS ngày 02/10/2017 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS - ST ngày 06/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T X bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: đội 1, thôn Q T, xã IT, huyện IP, tỉnh G L.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1954

Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

- *Người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan*:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 132 H V L, phường P L, Thành phố T D M, tỉnh B D. Có mặt

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 13, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

3. Anh Lê Văn T (tên gọi khác Là C), sinh năm 1992

4. Chị Lê Thị O, sinh năm 1993. vắng mặt

5. Ông Lê Văn B, sinh năm 1967. có mặt

6. Anh Lê Văn L, sinh năm 1973. vắng mặt

7. Bà Lê Thị H, sinh năm 1959. vắng mặt

Đều trú tại: Thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L, anh Lê Văn T và chị Lê Thị O Là ông Lê Văn Q, sinh năm 1964, trú tại: Thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa theo Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2017.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2010, nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:*

Bố mẹ ông Là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị S Lấy nhau năm 1953 và sinh được 8 người con gồm: Anh Lê Văn B, sinh năm 1954, đã Lấy vợ và ra ở riêng tại thôn 2, xã T D, huyện T X; chị Lê Thị H, chị Lê Thị H đã xây dựng gia đình ở riêng tại thôn 13, xã T D, huyện T X; chị Lê Thị Ng đã chết khi chưa có chồng con; anh Lê Văn Th (chết năm 1999), Lấy vợ tên Là Lê Thị H, có hai con Là Lê Văn T (C) và Lê Thị O; anh Lê Văn Q, anh Lê Văn B, anh Lê Văn L đều đã Lập gia đình chưa có nơi ăn chốn ở. Ba anh em đi Làm thuê trong miền Nam mỗi Lần về các anh em vẫn sinh hoạt chung trong ngôi nhà ngói 5 gian của bố mẹ. Đến năm 2002 bà Nguyễn Thị S chết không để Lại di chúc, ông T già yếu không phát triển tạo dựng thêm được tài sản nào mới. Đến năm 2007 ông T chết có di chúc để Lại toàn bộ tài sản Là 01 nhà ngói 5 gian, 01 bộ bàn ghế trường kỷ, 01 tủ bích phê và diện tích đất ở Là 511m^2 cho 3 người con trai Là Lê Văn Q, Lê Văn B, Lê Văn L, và cháu Lê Văn T Là con trai anh Th đã chết. Nhưng đến cuối năm 2009, vợ chồng anh Lê Văn B và chị Hoàng Thị D đã tự ý Lên Làm nhà trên đất thuộc di sản thừa kế của bố mẹ và không bàn bạc hay được sự đồng ý của các em. Vợ chồng ông B, bà D đánh anh Q gây thương tích và đập

phá bàn ghế, tủ, nhà cửa. Các anh em không có chỗ ở phải đi ở nhờ bà con Làng xóm. Nên anh Q Làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Văn T.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh Q có xuất trình 01 bản di chúc của ông T Lập ngày 13 tháng 6 năm 2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn T.

Nội dung di chúc của ông T chia đều diện tích đất ở Là 4 phần gồm: Anh Lê Văn Q được diện tích 130m^2 (rộng 5m, dài 26m), anh Lê Văn B được diện tích 130m^2 (rộng 5m, dài 26m), anh Lê Văn L được diện tích 130m^2 (rộng 5m, dài 26m), cháu nội Lê Văn Ch được diện tích 130m^2 (rộng 5m, dài 26m), còn Lại căn nhà ngói 5 gian cấp 4 và một bộ trường, tủ và các tài sản khác cho anh Lê Văn L sử dụng, có trách nhiệm thờ cúng hương hỏa. Di chúc có chứng thực của UBND xã T D.

* Trong biên bản Lấy Lời khai của chị Lê Thị H, anh Lê Văn L, bản tự khai của anh Lê Văn Q, anh Lê Văn B, chị Lê Thị H và cháu Lê Văn T ngày 04/3/2010, biên bản Lấy Lời khai của anh Lê Văn B ngày 17/3/2010, bản tự khai của bà Hoàng Thị D ngày 17/3/2010 đều khai thống nhất ông T và bà S có 8 người con, trong đó chị Ng đã chết khi chưa có chồng con, anh Th chết có con trai Là Lê Văn T và con gái Là Lê Thị O. Sau khi bà S chết, ông T không tạo dựng được thêm tài sản nào mới. Số tài sản thuộc di sản thừa kế như anh Q trình bày Là đúng. Sau khi ông T và bà S chết, vợ con anh Th trông coi khu nhà và đất thuộc di sản thừa kế, từ cuối năm 2009 vợ chồng anh B chị D về Làm nhà trên đất đó ở, không cho các em về nhà và trực tiếp quản Lý toàn bộ tài sản thuộc di sản thừa kế từ tháng 12 năm 2009 đến nay.

* Bản tự khai ngày 04/3/2010 và các Lời khai của chị Lê Thị H trình bày: Nếu được hưởng giá trị di sản thừa kế thì phần của chị sẽ chia đều cho 4 người Là anh Q, anh L, anh B và cháu T.

* Chị Lê Thị O có đơn đề nghị và tại phiên tòa sơ thẩm chị trình bày: Kỷ phần di sản thừa kế chị được hưởng, chị cho anh trai Là Lê Văn T.

* Tại các biên bản hòa giải, anh Q và các người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan đều thống nhất đề nghị chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Văn T.

* Chị H trình bày nếu chị được hưởng di sản thừa kế thì phần của chị chị cho anh L, anh Q, anh B và cháu T, đồng thời các anh đều có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế theo di chúc.

* Anh B và chị D trình bày thống nhất với các đương sự về các tài sản thuộc di sản thừa kế, nhưng đề nghị chia di sản theo pháp Luật. Tài Liệu bị đơn xuất trình gồm có:

- 01 mảnh giấy có tiêu đề "Giấy cho đất" không có ngày tháng năm, Là chữ viết của chị D. Nội dung: "Ông T cho anh Lê Văn B con trai trưởng và cháu đích tôn Lê Văn Đ cho cả số đất tức Là khu đất ở của ông T hiện nay".

- 01 mảnh giấy viết tay có tiêu đề: "Giấy nhường quyền sử dụng đất ở" có nội dung: "Nay tôi tuổi cao sức yếu tôi viết giấy này để nhường quyền sử dụng đất ở cho cháu đích tôn Là Lê Văn Đ". Theo Lời khai của chị D, giấy này do anh L ở thôn 13 xã T D viết hộ. Mảnh giấy này không ghi ngày tháng năm.

* Tại biên bản Lấy Lời khai người Làm chứng Đỗ Văn Q ngày 07/7/2010, anh Q trình bày: Vào ngày 08/7/2009, tôi có sang nhà chị Hoàng Thị D (hàng xóm bên cạnh nhà tôi) ở thôn 2, xã T D để xin chữ ký việc đất ở nhà tôi không có tranh chấp với hàng xóm xung quanh Là nhà chị D để Làm trích Lục đất ở. Sau khi chị D ký xác nhận vào giấy cho tôi thì chị D nói chú cũng ký cho tôi giống như của chú. Tôi đọc không thông viết không thạo nên thấy chị D nói vậy tưởng nội dung giấy cũng Là xác nhận việc đất ở nhà chị D nên không đọc mà ký tên Luôn vào giấy của chị D, tôi không biết nội dung giấy đó Là thừa kế gì cả mà Là chị D đã nói dối tôi để tôi ký.

* Biên bản Lấy Lời khai người Làm chứng anh Nguyễn Văn L khai: Anh Là em rể chị D nên khi qua nhà chị D, chị D có đưa một tờ giấy có viết sẵn không có chữ ký của ông T và nhờ anh viết Lại. Anh không chứng kiến việc ông T Lập di chúc.

* Biên bản Lấy Lời khai của chị Lê Thị H (vợ anh Th) ngày 26/4/2010 và Biên bản hòa giải ngày 17/6/2010 chị H trình bày: Khi ông T còn sống mẹ con chị có xây dựng được một nhà 2 gian xây tường Lợp ngói, 01 bếp Lợp pLuximăng, khu chuồng trại và xây bức tường bao quanh khu đất ở về phía Tây giáp đường xương cá đi trong thôn. Hiện tại số tài sản trên đã bị hư hỏng. Nay chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà H và bà P trình bày kỷ phần di sản thừa kế của hai bà được hưởng hai bà chia đều cho bốn người Là ông Q, ông B, ông L và anh T.

Vụ án này, Toà án nhân dân huyện T X đã xét xử sơ thẩm 02 Lần, Lần thứ nhất: Bản án số 14/2010/DS-ST ngày 18/8/2010, Bản án phúc thẩm số 46/2010/DSPT ngày 17/11/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá huỷ bản án sơ thẩm số 14/2010 ngày 18/8/2010 của Toà án nhân dân huyện T X, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Bản án sơ thẩm Lần hai, số 66/2011/DS-ST ngày 14/9/2011. Bản án phúc thẩm số 35/2012/DS-PT ngày 23/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa huỷ bản án số 66/2011/DS-ST ngày 14/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện T X.

Ngày 17/10/2016 Toà án nhân dân huyện T X thụ Lý vụ án. Toà án cấp sơ thẩm đã T hành các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp Luật.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017 ông Lê Văn Q có đơn đề nghị Toà án thành Lập Hội đồng định giá di sản thừa kế. Tại biên bản định giá ngày 05/4/2017 kết quả định giá như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất Là: 1.022.200.000đ.

- Tài sản trên đất gồm:

+ Nhà số 01(do bà H xây dựng): trị giá 11.718.000đ; Bếp của nhà số 01 trị giá: 1.279.250đ.

+ Nhà số 02 (của ông T và bà S để Lại) đã hết giá trị sử dụng.

+ Nhà số 03 (do ông B và bà D xây dựng năm 2009) Toàn bộ công trình nhà trị giá 232.449.205đ nằm trên diện tích đất 78,2m2 thuộc khu đất di sản thừa kế có chiều rộng mặt đường 506 Là 4,6m chiều sâu 17m (Hướng bắc sát ngôi nhà thờ 5 gian thuộc di sản thừa kế, hướng nam Là mặt đường 506, hướng đông tiếp giáp đất thuộc di sản thừa kế đang tranh chấp, hướng tây Là đường xương cá đi trong thôn).

+ Tường rào phía sau nhà số 03 trị giá: 5.024.250đ.

Tổng trị giá tài sản trên đất Là: 251.452.455đ.

Tại Biên bản hoà giải ngày 16/3/2017 các bên đương sự đều thống nhất: Tài sản của ông T và bà S để Lại Là quyền sử dụng 511m^2 đất ở thuộc thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa, giấy chứng nhận quyền sử dụng dất mang tên ông Lê Văn T. Diện tích đất trên hiện tại đang do ông B quản Lý, sử dụng. Ngoài ra không còn tài sản nào khác vì đã bị hư hỏng hoàn toàn. Các bên đều đề nghị Tòa án chia di sản theo quy định pháp Luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc mà đề nghị HĐXX chia thừa kế theo pháp Luật. Bị đơn, người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan và người đại diện theo ủy quyền đều thống nhất đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế theo pháp Luật.

Ông Q, ông B, ông L và anh T có nguyện vọng được chia hiện vật và chia chung một khối phần di sản thừa kế được hưởng.

Bà H và bà P trình bày kỷ phần di sản thừa kế của các bà được hưởng các bà chia đều cho bốn người Là ông Q, ông B, ông L và anh T.

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản bà đã xây dựng trên đất đang tranh chấp.

Bản án số 15/2017/DS-ST ngày 06/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T X áp dụng các Điều 631; 633; 634; 635; 674; 676; 677 Bộ Luật Dân sự. Điều 31 Luật Hôn nhân Gia đình. Xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp Luật của nguyên đơn và tất cả các thừa kế.

Xác nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị S để Lại Là thửa đất số 549 tờ bản đồ số 5 tại thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh thanh Hoá, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00 339 có diện tích 511m^2, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất có ông Lê Văn B, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, ông Lê Văn Q, ông Lê văn B, ông Lê Văn L và thừa kế thế vị Là anh Lê Văn T (tên gọi khác Là C) và chị Lê Thị O.

Xác nhận các thừa kế Lê Thị H và Lê Thị H tự nguyện chuyển phần di sản được chia để cho các thừa kế Lê Văn Q, Lê Văn, Lê Văn L và thừa kế thế vị Lê Văn T (tên gọi khác Là C).

Chia di sản Là hiện vật-đất ở như sau:

Lê Văn B được hưởng 73m^2 trị giá 146.000.000đ.

Lê Văn Q được hưởng 109,5m^2 trị giá 219.000.000đ.

Lê Văn B được hưởng 109,5m^2 trị giá 219.000.000đ

Lê Văn Lđược hưởng 109,5m^2 trị giá 219.000.000đ

Lê Văn T được hưởng 109,5m^2 trị giá 219.000.000đ

Vị trí đất được chia theo sơ đồ kèm theo bản án.

Chia cho ông Lê Văn B được quyền sử dụng 107,4m^2 đất tại thôn 4, xã T D, huyện T X, thuộc thửa đất 549, tờ bản đồ 05. Mốc giới cụ thể: Phía đông dài 27m giáp phần đất của các ông Q, B, Lợi và anh T. Phía tây dài 28,4m giáp đường xương cá đi trong thôn. Phía nam dài 3,33m giáp đường quốc Lộ 47C. Phía bắc dài 4,8m giáp nhà ông Lê Hữu S.

Diện tích đất còn Lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Là 403,6m^2 đo thực tế Là 410,1m^2 được chia đều cho 04 người gồm các ông Lê Văn Q, Lê Văn Lợi, Lê Văn B và anh Lê Văn T (tức C) mỗi người được hưởng 100,9m^2. Mốc giới cụ thể như sau: Phía đông dài 26,9m giáp phần đất của ông Cao Văn T. Phía tây dài 26,9m giáp đường xương cá đi trong thôn. Phía nam dài 15,5m giáp đường quốc Lộ 47C. Phía bắc dài 14m giáp nhà ong Lê Hữu S.

Ông Lê Văn B phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho các ông Q, Lợi, B và anh T 17.200.000đ/người.

Các ông Lê Văn Q, Lê văn Lợi, Lê Văn B và anh Lê Văn T (tức C) có trách nhiệm xây bức tường ngăn cách ở giữa hai phần đất được chia..

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước để Làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 05/7/2017, ông Lê Văn Q kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm, nhưng kháng cáo quá hạn không được chấp nhận.

Ngày 06/7/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá kháng nghị với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét giá trị pháp Lý của di chúc Là vi phạm điều 675 BLDS, tuyên Lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Là không chính xác.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Viện kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về bản di chúc ngày 13/6/2007 của ông Lê Văn T mà nguyên đơn ông Lê Văn Q xuất trình: Về hình thức Lập bằng văn bản có chứng thực của UBND xã T D, về nội dung ông TLập di chúc trong tình trạng sức khoẻ, tinh thần minh mẫn nên phù hợp pháp Luật. Tuy nhiên, ông T định đoạt toàn bộ giá trị tài sản chung của ông và bà Scho 04 người con Là không đúng quy định của pháp Luật. Nên di chúc ngày 13/6/2007 của ông Tcó hiệu Lực đối với phần tài sản của ông T, còn phần di sản của bà S được chia theo pháp Luật cho các thừa kế.

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Lê Văn Q và những người có quyền Lợi và nghĩa vụ Liên quan đều đề nghị Toà án chia thừa kế theo di chúc, bị đơn không đòng ý và đề nghị Toà án chia theo pháp Luật. Biên bản hoà giải ngày 16/3/2017 các bên để nghị Toà án chia di sản theo quy định của pháp Luật. Biên bản phiên toà ngày 06/6/2017, nguyên đơn và người có quyền Lợi nghĩa vụ Liên quan đều đề nghị HĐXX chia thừa kế theo quy định của pháp Luật. Bị đơn đề nghị chia di sản theo pháp Luật. Yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan khong được xem Là từ chối nhận di sản theo điều 642 BLDS 2005, vì thời hạn từ chối nhận di sản đã hết theo điều 642 BLDS 2005, vì thời hạn từ chối nhận di sản đã hết và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 675 BLDS 2005. trường hợp này HĐXX chỉ chia theo pháp Luật khi di chúc không hợp pháp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chưa xem xét giá trị pháp Lý của di chúc có hợp pháp hay không mà đã quyết định chia thừa kế theo pháp Luật Là vi phạm điều 675 BLDS 2005. Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn đề nghị chia di sản theo quy định của pháp Luật, bị đơn đề nghị chia di sản theo pháp Luật Là hai yêu cầu nguyện vọng khác nhau, nhưng án sơ thẩm cho rằng yêu cầu và nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn Là thống nhất cùng chia di sản theo pháp Luật Là không chính xác Làm cho vụ án giải quyết không được khách quan, xâm phạm quyền Lợi của nguyên đơn và người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp Luật và chia di sản của ông Ttheo di chúc, di sản của bà Stheo pháp Luật.

Sau khi nghiên cứu các tài Liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh Luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Toà án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án đối với khoản tiền mà ông Lê Văn B phải trả cho các thừa kế do chênh Lệch về tài sản theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 Là đúng, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 357: "…nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468".

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Q xuất trình cho Toà án bản di chúc do ông Lê Văn T Lập ngày 13/6/2007, bản di chúc đánh máy và có hai người Làm chứng Là ông Ngô Đình L và ông Phạm Văn K, nhưng trong di chúc ông Lvà ông K không xác nhận việc ông T ký vào di chúc trước mặt những người Làm chứng, đến ngày 15/6/2007 ông Lê Văn T bị chết (do bị ốm nặng trước đó). Theo quy định tại Điều 656 Bộ Luật Dân sự 2005: "*Trong trường hợp người Lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất Là hai người Làm chứng. Người Lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người Làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người Lập di chúc và ký vào bản di chúc*". Mặt khác, theo Công văn số 125/C54-P5 ngày 24/4/2012 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết Luận: "*Do chữ ký cần giám định ký đơn giản, tốc độ chậm, mang ít đặc điểm truy nguyên. So sánh với chữ ký, chữ viết mẫu của ông Lê Văn T trên các tài Liệu không đủ cơ sở kết Luận*" . Vì vậy không có căn cứ khẳng định chữ ký trong bản di chúc mà nguyên đơn Lê Văn Q xuất trình Là của ông Lê Văn T.

Từ các phân tích trên, có căn cứ khẳng định di chúc đề ngày 13/6/2007 mà nguyên đơn ông Lê Văn Q xuất trình không có giá trị pháp Lý.

Hơn nữa, tại phiên toà sơ thẩm ngày 06/6/2017, nguyên đơn đề nghị chia thừa kế theo pháp Luật, không yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, người có quyền Lợi nghĩa vụ Liên quan đề nghị chia thừa kế theo pháp Luật. Trong vụ án này, nếu Toà án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của di chúc do nguyên đơn Lê Văn Q xuất trình mà chia di sản của ông Lê Văn T, và bà Nguyễn Thị Sđể Lại theo pháp Luật như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá thì phải huỷ bản án sơ thẩm để xét xử Lại theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, như phân tích ở trên thì di chúc mà nguyên đơn xuất trình không phù

hợp quy định của pháp Luật, các đương sự đều yêu cầu chia di sản theo quy định pháp Luật, di sản thừa kế Là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị S, nên việc Toà án cấp sơ thẩm chia di sản của ông Tvà bà S theo pháp Luật Là có căn cứ, phù hợp với thực tế hiện trạng sử dụng tài sản-mảnh đất 511m^2 tại thôn 4, xã T D, huyện T X Là tài sản chung của ông T bà S-Bố, mẹ của các đương sự. Và sau khi Toà án cấp sơ thẩm tuyên án thì các đương sự không kháng cáo bản án sơ thẩm. Kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia phần di sản của ông Ttheo di chúc và phần di sản của bà S(mỗi người 1/2 diện tích đất nói trên) không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các Lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Điều 656; điểm b khoản 1 Điều 675; điểm a khoản 1 Điều 676; Điều 677 Bộ Luật Dân sự 2005. khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015. Điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 06/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T X.

Di sản thừa kế của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị S là diện tích đất 511m^2 tại thửa đất số 549, tờ bản đồ 05 tại thôn 4, xã T D, huyện T X, tỉnh Thanh Hoá, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 037534, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00 339, do Uỷ ban nhân dân huyện T X cấp ngày 14/01/2007 cho ông Lê Văn T. Trị giá thửa đất 1.022.200.000đ. Di sản thừa kế được chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho ông Lê Văn Q quyền sử dụng 107,4m^2 đất. Có các mốc giới: Phía Đông dài 27m giáp phần đất của các ông Lê Văn Q, Lê Văn B, Lê Văn Lvà anh Lê Văn T. Phía Tây dài 28,4m giáp đường xương cá đi trong thôn. Phía Nam dài 3,33m giáp đường quốc Lộ 47C. Phía Bắc dài 4,8m giáp nhà ông Lê Hữu S.

- Diện tích đất còn Lại Là 403,6m^2 (thực tế Là 410,1m^2) được chia cho 04 người gồm Lê Văn Q, Lê Văn Lợi, Lê Văn B, Lê Văn T (C) cả 04 người không yêu cầu chia phần cụ thể. Mốc giới cụ thể: Phía Đông dài 26,9m giáp phần đất của ông Cao Văn T. Phía Tây dài 26,9m giáp đường xương cá đi trong thôn. Phía Nam dài 15,5m giáp đường Quốc Lộ 47C. Phía Bắc dài 14m giáp nhà ông Lê Hữu S.

Ông Lê Văn B phải trả tiền chênh Lệch về tài sản cho ông Lê Văn Q, Lê Văn Lợi, Lê Văn B, Lê Văn T mỗi người 17.200.000đ.

Các ông Lê Văn Q, Lê Văn B, Lê Văn Lợi, Lê Văn T có trách nhiệm xây bức tường ngăn cách giữa hai phần đất nói trên. Phần tài sản trên đất được chia các đương sự có quyền sở hữu, sử dụng.

Các đương sự có quyền Liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để Làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cao, kháng nghị có hiệu Lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Kể từ khi án có hiệu Lực pháp Luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phía chịu Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu Lực pháp Luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án ND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Toà án ND huyện T X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS T X;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thanh Hùng